

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2019

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra chuyên đề xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong hoạt động khai thác, sử dụng đá vôi tại mỏ đá vôi núi Túc Khối, xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang của
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên

Thực hiện Quyết định thanh tra số 624/QĐ-ĐCKS ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc thanh tra chuyên đề xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế tại một số mỏ đá vôi trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; từ ngày 01 tháng 10 năm 2019, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan trong hoạt động khai thác và sử dụng đá vôi tại mỏ đá vôi núi Túc Khối, xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang đối với Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra của Trưởng Đoàn thanh tra và Biên bản làm việc lập ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Đoàn thanh tra, Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên (sau đây gọi tắt là Công ty); địa chỉ trụ sở chính: Số 218 Tỉnh Lộ 11, Ấp Hòn Chông, Xã Bình An, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang; người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Kim Đông, Giám đốc Công ty; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700445937, đăng ký lần đầu ngày 09/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp;

Công ty đang khai thác tại mỏ đá vôi núi Túc Khối, xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo các Giấy phép khai thác khoáng sản do UBND tỉnh Kiên Giang cấp:

- Giấy phép số 198/GP-UBND ngày 28/01/2015; diện tích khu vực khai thác là 1,4 ha; mức sâu khai thác là cote +2m; trữ lượng địa chất: 139.382 m³; trữ lượng khai thác: 139.382 m³; công suất khai thác: 80.000 m³/năm đá hộc nguyên khai; thời hạn khai thác 2,8 năm kể từ ngày ký Giấy phép;

- Giấy phép gia hạn số 2773/GP-UBND ngày 20/12/2017 (gia hạn Giấy phép số 198/GP-UBND nêu trên), thời hạn khai thác đến ngày 31/12/2021; khai thác trữ lượng còn lại của Giấy phép số 198/GP-UBND ngày 28/01/2015.

Mục đích sử dụng khoáng sản: khai thác đá vôi để làm phụ gia xi măng và vôi.

II. KẾT QUẢ THANH TRA

II.1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản

1. Về hiện trạng hoạt động khai thác:

Công ty thuê Công ty TNHH Đức Quân trực tiếp khai thác theo hợp đồng ký kết giữa hai bên số 29/HĐ-CPXMHT ngày 01/01/2016 và số 29/HĐ-CPXMHT ngày 01/01/2019.

- Mỏ đã khai thác hết một phần diện tích (khoảng 0,6 ha), đạt mức sâu được phép khai thác (cao độ trung bình +2m); còn phần địa hình núi cao Công ty đang khai thác trên diện tích khoảng 0,8 ha, gồm 3 tầng ở các mức +30, +20 và +10 (cao độ địa hình hiện trạng trong diện tích mỏ từ +2m đến +30m). Tuy nhiên Công ty đã khai thác vượt ra ngoài ranh giới khu vực được cấp phép khai thác về phía Bắc khu mỏ (gần đèm góc B) có diện tích khoảng 0,3ha. Mỏ đã khai thác gần hết trữ lượng từ cốt +2m trở lên theo hiện trạng mỏ và theo các bản đồ hiện trạng do Công ty lập 2016, 2017, 2018 và 6 tháng đầu năm 2019; Công ty đang tiếp tục khai thác phần trữ lượng còn lại. Nhìn chung, các thông số cơ bản của hệ thống khai thác như: chiều cao tầng, góc nghiêng sườn tầng và các thông số về tuyến khai thác, xúc bốc, vận chuyển... cơ bản phù hợp với thiết kế mỏ được duyệt;

- Cấm biển báo an toàn trong khu vực mỏ chưa đầy đủ, nhất là tại một số vị trí tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, như: khu vực dưới chân vách núi đá vôi còn lại chưa khai thác hết phía trên đỉnh và trên tầng công tác có vận chuyển đất đá.

2. Về sản lượng đá vôi khai thác thực tế hàng năm xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Đoàn thanh tra đã kiểm tra, xác minh sản lượng đá vôi khai thác thực tế hàng năm của Công ty theo từng khâu công nghệ, theo từng nguồn số liệu quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (chi tiết thể hiện trong Biên bản kèm theo), kết quả như sau:

a) *Giai đoạn sau khi Nghị định 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ có hiệu lực:*

- Năm 2015 sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 52.623 m³, đạt 65,8% công suất được phép khai thác

- Năm 2016 sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 52.194,25 m³, đạt 65,2% công suất được phép khai thác.

b) *Giai đoạn sau khi Nghị định 33/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ và Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường có hiệu lực:*

- Năm 2017 sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 50.150,68 m³, đạt 62,7% công suất được phép khai thác;

- Năm 2018 sản lượng khoáng sản khai thác thực tế 67.858,33 m³, đạt 84,8% công suất được phép khai thác;

- 6 tháng đầu năm 2019 sản lượng khoáng sản khai thác 29.504,28 m³.

3. Đã lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản ra khỏi khu vực khai thác: Vị trí trạm cân được lắp đặt trên trực đường độc đạo từ mỏ nối ra đường vận chuyển chính ngoài mỏ, cách mỏ khoảng 100m về phía Bắc, vị trí này phù hợp

với điều kiện địa hình và đặc thù của mỏ. Tuy nhiên Công ty chưa sử dụng thường xuyên trạm cân để kiểm soát toàn bộ khoáng sản nguyên khai vận chuyển ra khỏi mỏ theo quy định; đã lắp đặt thiết bị camera giám sát tại khu vực xay nghiền đá, bãi chứa đá và tại trạm cân.

6. Công tác quản lý, sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác: thời điểm thanh tra chưa phát hiện thấy hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác của Công ty; quá trình khai thác đã phân loại đá vôi, lựa chọn một phần đá vôi có chất lượng tốt hơn sử dụng làm phụ gia xi măng, còn lại sử dụng làm bột vôi; không có tồn thắt khoáng sản trong quá trình khai thác.

7. Đã cấm và bàn giao mốc tại các điểm khép góc khu vực được phép khai thác đầy đủ theo quy định.

8. Đã xây dựng cơ bản mỏ từ năm 2009 theo (Giấy phép khai thác số 318/GP-UBND ngày 11/02/2009) và đã đăng ký ngày bắt đầu khai thác (30/01/2015) gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Dương Hòa, UBND xã Hòa Điền.

9. Đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ đủ tiêu chuẩn, trình độ chuyên môn phù hợp với quy định; có thông báo bằng văn bản về trình độ, năng lực của Giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

10. Đã thực hiện việc lập và gửi Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản và Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản các năm 2016, 2017 và năm 2018 gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang theo quy định, nhưng Nội dung trong báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm 2018 không đầy đủ thông tin theo mẫu do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định (trữ lượng có tăng, nhưng không báo cáo sự tăng/giảm trữ lượng trong quá trình khai thác). Theo các tài liệu Công ty cung cấp và kết quả báo cáo sản lượng khai thác hàng năm, thì phần trữ lượng đã khai thác vượt so với trữ lượng được phép khai thác ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản là 12.343,64 m³ đá vôi (đây là phần trữ lượng do Công ty khai thác vượt ra ngoài diện tích cấp phép).

11. Đã lập quản lý, lưu trữ theo quy định các bản đồ hiện trạng mỏ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác các năm 2016, 2017, 2018 và 6 tháng đầu năm 2019; Bản đồ hiện trạng mỏ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác có hình thức và nội dung cơ bản phù hợp theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

12. Thực hiện tương đối tốt công tác hỗ trợ địa phương nơi mỏ hoạt động: Đã tham gia đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương số tiền 145.000.000 đồng; đã thực hiện việc nâng cấp, duy tu, xây dựng đường giao thông phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản.

13. Đã thực hiện nghĩa vụ tài chính từ năm 2016 đến hết tháng 6/2019 theo quy định: Thuế tài nguyên: 3.013.835 nghìn đồng; Phí bảo vệ môi trường: 1.329.479 nghìn đồng; Tiền thuê đất: 83.767 nghìn đồng; Tiền cấp quyền khai

thác khoáng sản nộp 01 lần: 484.155.664 đồng; đã hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản cho Nhà nước 7.205.000 đồng; Từ năm 2014 đến nay đã ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường: 2.260.795.164 đồng.

II.2. Thực hiện các quy định của pháp luật khác có liên quan

1. Thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường:

Việc thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt tại Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2014: (1) Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; (2) Hàng năm, Công ty đã lập và giao nộp kết quả quan trắc cho cơ quan có thẩm quyền. Kết quả giám sát chất lượng môi trường không khí tại khu vực khai thác và sân công nghiệp cho thấy hàm lượng bụi, chỉ tiêu tiếng ồn và độ rung nằm trong ngưỡng cho phép theo quy định. Một số chỉ tiêu quan trắc vượt quá quy chuẩn cho phép: Chỉ tiêu BOD vượt 1,6 lần, chỉ tiêu COD vượt 1,13 lần; (3) Công ty có xây dựng kho bãi lưu trữ chất thải nguy hại tại mỏ, các thiết bị lưu chứa có dán dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa theo quy định; Công ty ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH TM Xử Lý Môi Trường Thành Lập; Công ty thực hiện lập và nộp báo cáo định kỳ theo quy định về tồn lưu chất thải nguy hại gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang;

Tại thời điểm kiểm tra Công ty có hệ thống làm ướt nguyên liệu tại các khu vực máy nghiền và bãi lưu trữ đá thành phẩm, tưới đường vận chuyển; tại khu vực máy nghiền, hệ thống phun sương không hoạt động thường xuyên nên bụi còn phát sinh tại khu vực nghiền và khu vực khai thác. Tuy nhiên, khu vực khai thác cách xa khu dân cư và nằm trong khuôn viên rộng của dự án. Công ty có trồng cây xanh xung quanh khu vực sân công nghiệp, dọc đường lên khu cấp liệu, xung quanh mặt bằng cấp liệu và dọc đường vận chuyển ngoài mỏ.

2. Việc thực hiện pháp luật về bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN):

Công ty không trực tiếp khai thác mà thuê Công ty TNHH Đức Quân trực tiếp nổ mìn và khai thác đá vôi tại mỏ hiện theo các hợp đồng đã ký kết giữa hai bên; Công ty TNHH Đức Quân có Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 02/GP-SCT ngày 07/01/2019 của Sở Công thương tỉnh Kiên Giang cấp; quá trình nổ mìn khai thác đá có lập hộ chiếu nổ mìn đầy đủ, nội dung hộ chiếu cơ bản phù hợp theo mẫu quy định; Tuy nhiên một số thông tin, số liệu thể hiện trong hộ chiếu nổ mìn chưa chính xác, còn sơ sài, cụ thể: sơ đồ bố trí gác mìn trong hộ chiếu nổ mìn vẽ sơ sài không phù hợp với hiện trạng mỏ; thể hiện khoảng cách an toàn từ các điểm gác mìn và từ vị trí điểm hỏa tới bãi mìn không đúng với khoảng cách thực tế; có bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn và các công nhân nổ mìn đều có Giấy chứng nhận thợ mìn theo quy định; các công nhân đều được huấn luyện kỹ thuật an toàn VLNCN do Sở Công Thương cấp.

3. Việc thực hiện pháp luật về an toàn lao động:

Công ty đã trang bị bảo hộ lao động cho công nhân mỏ; đã ban hành nội quy an toàn tại mỏ; đã ban hành quy trình vận hành thiết bị, xe máy; đã thực hiện việc huấn luyện ATLĐ và VSLĐ cho công nhân mỏ; đã kiểm định các thiết bị khai thác theo quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm đối với toàn bộ người lao động và 2 lần/năm đối với lao động ở môi trường độc hại, nguy hiểm; Hàng năm, đã lập và gửi Báo cáo công tác ATVS lao động Báo cáo định kỳ về tai nạn lao động theo quy định.

4. Việc thực hiện pháp luật về đất đai:

Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 66/HĐTĐ ngày 20/8/2018, diện tích 6.680,6 m² và Hợp đồng thuê đất số 67/HĐTĐ ngày 20/8/2018, diện tích 13.559 m² với Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn từ ngày 03/11/2017 đến 31/12/2021. Đối với diện tích đất được thuê để khai thác khoáng sản Công ty sử dụng đất đúng mục đích.

5. Việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước và xả thải:

Công ty không sử dụng tài nguyên nước trong hoạt động khai thác; không xả nước thải vào nguồn nước, do khai thác trên cao, nước mưa tự chảy tràn.

III. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

- Công ty khai thác theo phương pháp lộ thiên, trình tự và hệ thống khai thác cơ bản theo đúng thiết kế mỏ được duyệt; sử dụng khoáng sản đúng mục đích, phù hợp với dự án đầu tư và Giấy phép khai thác khoáng sản;

- Quá trình khai thác Công ty có lập sổ sách chứng từ, tài liệu kỹ thuật để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế hàng năm theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTNMT ngày 22/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện tương đối tốt trách nhiệm của tổ chức khai thác khoáng sản trong việc bảo vệ quyền lợi của địa phương, nhân dân địa phương nơi có mỏ khoáng sản được khai thác;

- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đầy đủ, kịp thời theo thông báo của cơ quan Thuế; đã hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản cho Nhà nước theo quy định; thực hiện các nghĩa vụ thuế và nghĩa vụ tài chính khác kịp thời theo quy định;

- Đang khắc phục các tồn tại, theo yêu cầu nêu trong Biên bản làm việc của Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh Kiên Giang.

2. Các tồn tại, vi phạm

- Khai thác vượt ra ngoài ranh giới khu vực được cấp phép khai thác về phía Bắc khu mỏ (gần điểm góc B) với diện tích khoảng 0,3ha;

- Nội dung trong báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm 2018 không đầy đủ thông tin theo mẫu do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định (trữ lượng có tăng, nhưng không báo cáo sự tăng/giảm trữ lượng trong quá trình khai thác);

- Chưa sử dụng thường xuyên trạm cân để kiểm soát toàn bộ khoáng sản nguyên khai vận chuyển ra khỏi mỏ theo quy định.

- Công ty chưa có văn bản báo cáo UBND xã nơi thực hiện dự án về nội dung giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định;

- Hệ thống phun sương không hoạt động thường xuyên, nên bụi còn phát sinh tại khu vực nghiên và khu vực khai thác;

- Một số chỉ tiêu quan trắc về không khí khu vực xay nghiên đá vượt quá quy chuẩn cho phép (BOD, COD).

- Một số thông tin, số liệu thể hiện trong hộ chiếu nổ mìn chưa chính xác, còn sơ sài, cụ thể: sơ đồ bố trí gác mìn trong hộ chiếu nổ mìn vẽ sơ sài không phù hợp với hiện trạng mỏ; thể hiện khoảng cách an toàn từ các điểm gác mìn và từ vị trí điểm hỏa tới bãi mìn không đúng với khoảng cách thực tế.

- Cảnh biển báo an toàn trong khu vực mỏ chưa đầy đủ, nhất là tại một số vị trí tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, như: khu vực dưới chân vách núi đá đang khai thác, trên các tầng có vận chuyển trong mỏ.

IV. CÁC BIỆN PHÁP ĐÃ XỬ LÝ

1. Đoàn thanh tra lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản và chuyển hồ sơ đề nghị UBND tỉnh Kiên Giang xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty về các hành vi vi phạm theo thẩm quyền, cụ thể như sau: (1) Nội dung trong báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản (năm 2018) không đầy đủ thông tin theo mẫu do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định; (2) Khai thác khoáng sản có tổng diện tích vượt ra ngoài ranh giới khu vực được phép khai thác (theo bề mặt) từ 0,1 ha đến dưới 0,5 ha (thực tế khoảng 0,3 ha).

2. Đoàn thanh tra đã báo cáo kết quả thanh tra và dự thảo Kết luận thanh tra trình Tổng cục xem xét ban hành, trong đó yêu cầu Công ty khắc phục các tồn tại, vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản; dự thảo công văn của Tổng cục gửi UBND tỉnh Kiên Giang về việc phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, trong đó kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan xem xét, xử lý vi phạm trong lĩnh vực khoáng sản do Đoàn thanh tra đã đề nghị và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực khác có liên quan nêu trong Biên bản làm việc của Đoàn thanh tra; giám sát, đôn đốc các tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính chấp hành nghiêm Quyết định xử phạt, và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định; đôn đốc các tổ chức khai thác đá vôi là đối tượng thanh tra thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trong Kết luận thanh tra.

V. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam yêu cầu Công ty nghiêm túc thực hiện các công việc sau đây:

- Chấm dứt ngay việc khai thác vượt ra ngoài ranh giới khu vực được cấp phép khai thác;

- Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản phải đầy đủ nội dung, thông tin theo mẫu do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định;

- Thường xuyên sử dụng trạm cân để kiểm soát toàn bộ khoáng sản

nguyên khai vận chuyển ra khỏi mỏ theo quy định;

- Cắm đầy đủ các biển cảnh báo sạt lở đá, nhằm đảm bảo an toàn trong khu vực mỏ;

- Lập hộ chiếu nổ mìn phải thể hiện chính xác, đầy đủ thông tin, số liệu theo quy định; bố trí các trạm gác mìn phù hợp với thực tế hiện trạng mỏ tại từng thời điểm nổ mìn, để đảm bảo tuyệt đối an toàn khi nổ mìn.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên phải báo cáo Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, UBND tỉnh Kiên Giang bằng văn bản về kết quả thực hiện các yêu cầu nêu trên. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc chậm thực hiện các yêu cầu nêu trên, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- TCT Đỗ Cảnh Dương (để báo cáo);
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh Kiên Giang (để phối hợp chỉ đạo);
- Cục KSHDKS miền Nam (để giám sát);
- Sở TN&MT tỉnh Kiên Giang;
- Cty CP XM Hà Tiên (để t/hiện);
- VP Tổng cục (để đăng website);
- Lưu: VP, Đoàn TTr (Q.10 bản giấy).

[Signature]

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Lại Hồng Thanh



